

**BỘ QUỐC PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **637** /QĐ-BQP

Hà Nội, ngày **27** tháng **02** năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt dự án và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu đợt 1  
Dự án đường TTBG các tỉnh phía Bắc (trên địa bàn QK1)**

**BỘ TRƯỞNG BỘ QUỐC PHÒNG**

Căn cứ Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019; Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 164/2017/NĐ-CP ngày 30/12/2017 của Chính phủ Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Quốc phòng;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 và số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 68/2019/NĐ-CP ngày 14/8/2019 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Quốc phòng: Số 88/2017/TT-BQP ngày 17/4/2017, số 191/2017/TT-BQP ngày 17/8/2017 Quy định một số nội dung về đấu thầu lựa chọn nhà thầu trong Bộ Quốc phòng; số 101/2017/TT-BQP ngày 27/4/2017 Quy định về phân cấp, ủy quyền quyết định đầu tư; lập, thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư trong Bộ Quốc phòng;

Căn cứ Quyết định số 313/QĐ-TTg ngày 14/3/2007 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Quy hoạch xây dựng đường tuần tra biên giới (TTBG) đất liền giai đoạn 2006-2010 và những năm tiếp theo;

Căn cứ Văn bản số 8472/BKHĐT-TH ngày 13/11/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư dự kiến phân bổ Kế hoạch đầu tư vốn NSNN năm 2020 và Văn bản số 12987/BQP-KHĐT ngày 20/11/2019 của Bộ Quốc phòng về việc đề nghị bổ sung danh mục dự án vào kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số **627** /QĐ-BQP ngày **26/02/2020** của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về việc phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng dự án đường TTBG các tỉnh phía Bắc (trên địa bàn QK1);

Xét đề nghị của Tư lệnh Quân khu 1 tại các Tờ trình số 2943A/TTr-BTL ngày 10/12/2019, số 2979<sup>A</sup>/TTr-BTL ngày 12/12/2019 và của Cục trưởng Cục Kế hoạch và Đầu tư/BQP tại Báo cáo kết quả thẩm định số **788** /BC-KHĐT ngày **24/02/2020**,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng đường TTBG các tỉnh phía Bắc (trên địa bàn QK1) với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tên dự án: Đường TTBG các tỉnh phía Bắc (trên địa bàn QK1).
2. Chủ đầu tư: Bộ Tư lệnh Quân khu 1 (BTL Quân khu 1).
3. Tổ chức tư vấn lập báo cáo nghiên cứu khả thi và thiết kế cơ sở: Công ty TNHH một thành viên Tư vấn thiết kế và Đầu tư xây dựng/BQP;
4. Chủ nhiệm đồ án: Tiến sỹ Trần Quốc Đạt.
5. Mục tiêu đầu tư: Xây dựng tuyến đường TTBG tỉnh Lạng Sơn, đoạn từ khu vực Mốc 999 (điểm đầu nối vào dự án đường TTBG Pò Mã đi Cao Bằng), đến khu vực Mốc 1014 (điểm cuối nối vào đường dân sinh đi về bản Cọ xã Tân Minh) đạt tiêu chuẩn đường TTBG nhằm tạo điều kiện cho công tác tuần tra, bảo vệ chủ quyền an ninh biên giới quốc gia, góp phần bảo vệ quốc phòng, an ninh khu vực biên giới. Đồng thời tạo điều kiện phát triển kinh tế xã hội, xóa đói giảm nghèo và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho đồng bào dân tộc vùng biên giới.
  6. Địa điểm xây dựng: Huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn.
  7. Diện tích đất sử dụng: Tổng diện tích chiếm dụng khoảng 31,22ha, trong đó:
    - Đất trong phạm vi chiếm dụng vĩnh viễn: 22,18ha.
    - Đất trong hành lang bảo vệ: 9,04ha.
  8. Phương án quy hoạch: Phù hợp với quy hoạch xây dựng đường TTBG và quy hoạch giao thông địa phương.
  9. Nội dung và quy mô đầu tư xây dựng: Dự án được đầu tư xây dựng với chiều dài tuyến 11,3km đoạn đường dọc biên, trong đó:
    - Điểm đầu tuyến thuộc khu vực Mốc 999 (nối vào dự án đường TTBG Pò Mã đi Cao Bằng).
    - Điểm cuối tuyến thuộc khu vực Mốc 1014 (nối vào đường dân sinh đi về bản Cọ xã Tân Minh, huyện Tràng Định).
  10. Giải pháp thiết kế cơ sở:

Tuyến đường được thiết kế theo tiêu chuẩn đường TTBG TCVN/QS 1472:2009, với các giải pháp thiết kế như sau:

    - Các tiêu chuẩn kỹ thuật chính:
      - + Vận tốc thiết kế  $V = 15\text{km/h}$ .
      - + Bề rộng nền đường  $B_n = 5,5\text{m}$ .
      - + Bề rộng mặt đường  $B_m = 3,5\text{m}$ .
      - + Bề rộng lề đường  $B_{lè} = 2 \times 1(\text{m})$ , gia cố bằng CPĐD loại 2 dày 18cm.
      - + Bán kính đường cong nằm nhỏ nhất  $R_{\min} = 15\text{m}$  (cá biệt chêm chước 12m).
      - + Độ dốc dọc lớn nhất  $I_{\max} = 12\%$  (cá biệt chêm chước  $I_{\max} = 15\%$ ).
      - + Độ dốc ngang: Mặt đường  $I_m = 0,5\%$ , lề đường  $I_{lè} = 4\%$ .
    - Kết cấu mặt đường: Dự án sử dụng mặt đường bê tông xi măng với 3 loại kết cấu như sau:
      - + Kết cấu loại 1 (áp dụng cho các đoạn đường cải tạo, mặt đường cũ là đá dăm): Lớp mặt BTXM M300 dày 18cm, lớp giấy dầu tạo phẳng, móng CPĐD loại 2 dày 18cm, bù vênh CPĐD loại 2.
      - + Kết cấu loại 2 (áp dụng cho các đoạn nền đường là đất và đá C4): Lớp mặt

BTXM M300 dày 18cm, lớp giấy dầu tạo phẳng, móng CPĐD loại 2 dày 18cm.

+ Kết cấu loại 3 (áp dụng cho các đoạn nền đường là đá C2 và đá C3): Lớp mặt BTXM M300 dày 18cm, lớp giấy dầu tạo phẳng, móng CPĐD loại 2 dày 10cm.

- Rãnh dọc: Những đoạn nền đào là đất, đá phong hóa mạnh độ dốc dọc <4% thiết kế rãnh hình thang đào trần có tiết diện  $1/2 \times (1,2m + 0,4m) \times 0,4m$ ; những đoạn nền đào có độ dốc  $\geq 4\%$  hoặc địa chất không ổn định, dễ bị xói lở rãnh được gia cố bằng tấm BTXM lắp ghép dày 10cm.

- Công trình thoát nước ngang: Công tròn, cống hộp bằng BTCT thiết kế theo định hình; cầu bản BTCT kết hợp đường trần liên hợp thiết kế theo tiêu chuẩn 22TCN 272 - 05; Tải trọng thiết kế: H13-X60.

- Công trình phòng hộ và hệ thống an toàn giao thông: Theo Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41: 2016/BGTVT.

11. Loại, cấp công trình: Công trình giao thông, cấp IV.

12. Số bước thiết kế: 02 bước.

13. Hình thức đầu tư: Cải tạo, nâng cấp và xây dựng mới.

14. Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư: Thực hiện lập hồ sơ bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo các quy định hiện hành.

15. Phương án bảo vệ môi trường: Chủ đầu tư lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường báo cáo cấp thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

16. Tổng mức đầu tư: 166.647.000.000 đồng.

*(Một trăm sáu mươi sáu tỷ, sáu trăm bốn mươi bảy triệu đồng).*

Trong đó:

- Chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư:	4.000.000.000 đồng;
- Chi phí xây dựng:	137.026.430.000 đồng;
- Chi phí quản lý dự án:	2.262.879.000 đồng;
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	10.556.545.000 đồng;
- Chi phí khác:	3.401.542.000 đồng;
- Chi phí dự phòng:	9.399.604.000 đồng.

*(Chi tiết như Phụ lục I kèm theo)*

17. Nguồn vốn: Vốn đầu tư của Ngân sách Nhà nước.

18. Hình thức tổ chức quản lý dự án: Chủ đầu tư sử dụng tư cách pháp nhân của mình và bộ máy chuyên môn trực thuộc để trực tiếp quản lý dự án; được phép thuê đơn vị tư vấn có đủ điều kiện năng lực để giám sát thi công và tham gia nghiệm thu hạng mục, công trình hoàn thành.

19. Phương thức thực hiện dự án: Theo Kế hoạch LCNT được duyệt.

20. Thời gian thực hiện: năm 2020 - 2021.

**Điều 2.** Phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu đợt 1 của dự án như Phụ lục II kèm theo Quyết định này. Giá gói thầu trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu được xác định theo chi phí trong tổng mức đầu tư được phê duyệt tại Điều 1 của Quyết định này *(đã bao gồm các loại thuế, phí, chưa bao gồm chi phí dự phòng)*. Tại thời điểm tổ chức lựa chọn nhà thầu, Chủ đầu tư căn cứ vào giá dự toán gói thầu được cấp có thẩm quyền phê duyệt để xác định lại giá gói thầu theo quy định.

### **Điều 3. Tổ chức thực hiện**

1. Chủ đầu tư dự án (BTL Quân khu 1), có trách nhiệm hoàn thiện hồ sơ dự án theo kết quả thẩm định và gửi hồ sơ về các cơ quan chức năng để theo dõi, tổng hợp; phê duyệt chi tiết phương án tuyến, lập hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công, tổng dự toán, dự toán xây dựng công trình theo đúng nội dung dự án được duyệt và báo cáo Bộ Quốc phòng phê duyệt theo đúng quy định; tổ chức triển khai thực hiện dự án đầu tư theo đúng kế hoạch vốn được giao; phê duyệt các nội dung tiếp theo của quá trình lựa chọn nhà thầu theo đúng quy định của Nhà nước và Bộ Quốc phòng, thực hiện giám trừ chi phí đối với các gói thầu áp dụng chỉ định thầu hoặc tự thực hiện theo quy định và gửi các văn bản phê duyệt trong quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu về Cục Kế hoạch và Đầu tư/BQP để theo dõi, tổng hợp. Trong quá trình thực hiện dự án, các điều chỉnh, phát sinh về nội dung, quy mô, thiết kế cơ sở, sử dụng chi phí dự phòng, thay đổi nguồn vốn phải báo cáo Bộ Quốc phòng và chỉ được triển khai thực hiện sau khi được Thủ trưởng Bộ Quốc phòng đồng ý bằng văn bản.

2. Cục Kế hoạch và Đầu tư/BQP thẩm định và báo cáo Bộ phê duyệt Kế hoạch LCNT các gói thầu còn lại của dự án tổ chức giám sát, đánh giá đầu tư dự án theo kế hoạch hoặc đột xuất.

3. Cục Tài chính/BQP hướng dẫn Chủ đầu tư các thủ tục thanh, quyết toán theo đúng quy định của Nhà nước và Bộ Quốc phòng

4. BTL Công binh tổ chức thẩm định, báo cáo Bộ phê duyệt hồ sơ thiết kế BVTC - Tổng dự toán, dự toán công trình, các hạng mục theo đúng nội dung dự án được duyệt và không được vượt Tổng mức đầu tư của dự án; hướng dẫn và tổ chức kiểm tra công tác quản lý chất lượng công trình xây dựng theo đúng quy định của Nhà nước và Bộ Quốc phòng.

### **Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký;**

Tư lệnh Quân khu 1, Tư lệnh Bộ đội Biên phòng, Tư lệnh Binh chủng Công binh, Cục trưởng Cục Kế hoạch và Đầu tư/BQP, Cục trưởng Cục Tài chính/BQP, Cục trưởng Cục Tác chiến/BTTM và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**



**Thượng tướng Phan Văn Giang**

#### **Nơi nhận:**

- Đ/c Bộ trưởng (để báo cáo);
- Đ/c TTMT-TT Phan Văn Giang;
- Đ/c PTTMT Nguyễn Phương Nam;
- Bộ Tổng Tham mưu;
- Bộ KH&ĐT (Vụ QPAN; Vụ THKTQD);
- Bộ Tài chính (Vụ D);
- UBND tỉnh Lạng Sơn;
- Kho bạc Nhà nước tỉnh Lạng Sơn;
- BTL Quân khu 1;
- BTL Bộ đội Biên phòng;
- BTL Công binh;
- C54, C41, C51;
- Lưu: VT, THBĐ; The17.

**Phụ lục I**  
**TỔNG MỨC ĐẦU TƯ**

**DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG ĐƯỜNG TTBG CÁC TỈNH PHÍA BẮC (TRÊN ĐỊA BÀN QK1)**

(Kèm theo Quyết định số **637** /QĐ-BQP ngày **27** tháng **02** năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng) *ĐVT*

TT	Hạng mục công việc	Đơn vị	K. lượng	Thành tiền (1.000đ)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6
	<b>Tổng mức đầu tư</b>			<b>166.647.000</b>	
<b>I</b>	<b>Chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư</b>		Tạm tính	<b>4.000.000</b>	<b>Ggmb</b>
<b>II</b>	<b>Chi phí xây dựng</b>	Km	11,3	<b>137.026.430</b>	<b>Gxd</b>
1	Nền đường			47.995.577	
2	Mặt đường			41.227.773	
3	Hệ thống thoát nước			24.351.633	
4	Tường chắn đá học xây, tường chắn			18.469.826	
5	Công trình an toàn giao thông, nút giao			4.981.621	
<b>III</b>	<b>Chi phí quản lý dự án</b>			<b>2.262.879</b>	<b>Gqlda</b>
<b>IV</b>	<b>Chi phí Tư vấn đầu tư xây dựng</b>			<b>10.556.545</b>	<b>Gtv</b>
1	Chi phí khảo sát địa hình, địa chất bước lập dự án			2.695.736	
2	Chi phí khảo sát địa hình, địa chất bước thiết kế BVTC			1.375.753	
3	Chi phí khảo sát, thiết kế và cắm cọc GPMB, cọc LGĐB			1.195.197	
4	Chi phí lập Báo cáo nghiên cứu khả thi			500.146	
5	Chi phí thiết kế BVTC + lập dự toán			1.300.381	
6	Chi phí thẩm tra thiết kế BVTC			112.362	
7	Chi phí thẩm tra dự toán			108.251	
8	Chi phí lập HSMT, đánh giá HSDT tư vấn			39.319	
9	Chi phí lập HSMT, đánh giá HSDT gói thầu xây dựng			109.621	
10	Chi phí giám sát thi công xây dựng			2.668.727	
11	Chi phí giám công tác khảo sát			151.052	
12	Chi phí lập báo cáo đánh giá tác động môi trường			300.000	
<b>V</b>	<b>Chi phí khác</b>			<b>3.401.542</b>	<b>Gk</b>
1	Chi phí rà phá bom mìn	ha	22,18	1.219.900	
2	Lệ phí thẩm định dự án đầu tư			18.218	
3	Lệ phí thẩm định thiết kế BVTC			21.595	
4	Lệ phí thẩm định dự toán			21.088	
5	Chi phí bảo hiểm công trình			589.214	
6	Chi phí kiểm toán			888.229	
7	Chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán			298.298	
8	Chi phí kiểm tra, kiểm định chất lượng công trình của cơ quan chuyên môn Nhà nước			300.000	
9	Phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường			45.000	
<b>VI</b>	<b>Chi phí dự phòng</b>			<b>9.399.604</b>	<b>Gdp</b>

## Phụ lục II

### KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU ĐỢT 1 DỰ ÁN ĐƯỜNG TTBG CÁC TỈNH PHÍA BẮC (TRÊN ĐỊA BÀN QK1)

(Kèm theo Quyết định số 637/QĐ-BQP ngày 27 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng)

Đơn vị tính: 1000 đồng

TT	Tên gói thầu	Giá gói thầu	Nguồn vốn	Hình thức và phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng
1	<b>Gói thầu TV-01</b> Khảo sát, lập thiết kế BVTC-TDT công trình.	2.676.134	Vốn đầu tư của Ngân sách Nhà nước	Chỉ định thầu trong nước, một giai đoạn, 1 túi hồ sơ.	Trọn gói	Quý I/2020	45 ngày
2	<b>Gói thầu TV-02</b> Thẩm tra hồ sơ thiết kế BVTC-TDT công trình.	220.613		Chỉ định thầu rút gọn trong nước.	Trọn gói	Quý I/2020	30 ngày
3	<b>Gói thầu TV-03</b> Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường.	300.000		Chỉ định thầu rút gọn trong nước.	Trọn gói	Quý I/2020	30 ngày
4	<b>Gói thầu TV-04</b> Khảo sát, thiết kế và cắm cọc GPMB, cọc LGĐB	1.195.197		Chỉ định thầu trong nước, một giai đoạn, 1 túi hồ sơ.	Trọn gói	Quý I/2020	45 ngày
5	<b>Gói thầu TV-05</b> Lập HSMT, đánh giá HSDT các gói thầu dự án.	148.940		Chỉ định thầu rút gọn trong nước.	Trọn gói	Quý I/2020	30 ngày
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>4.540.883</b>					

(Bốn tỷ, năm trăm bốn mươi triệu, tám trăm tám mươi ba nghìn đồng).

Ghi chú: \* Giá các gói thầu được xác định trên cơ sở TMDT được duyệt (đã bao gồm các loại thuế, phí và chưa bao gồm chi phí dự phòng).

\* Giá chính xác căn cứ vào dự toán được các cấp thẩm quyền phê duyệt.